

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 17/CV/2022-SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính Tổng
hợp kiểm toán 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán so với cùng kỳ.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thị Thanh Lan

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*(Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021)*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2021 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Thanh Tùng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01-DN	
			31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.878.884.372	585.427.461.092
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.130.091.031	108.372.200.942
Tiền	111		29.130.091.031	108.372.200.942
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	14.354.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.354.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.657.502.894	275.904.821.686
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	253.436.715.142	269.280.480.154
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.723.131.046	2.380.361.119
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.233.630.155	5.987.166.890
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(1.740.913.450)	(1.748.126.478)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	7	266.477.704.484	197.364.495.897
Hàng tồn kho	141		266.477.704.484	197.364.495.897
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.259.585.963	3.785.942.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	2.009.448.752	1.813.433.911
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.240.925.387	1.529.413.811
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	9.211.824	443.094.845
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		248.810.253.122	210.679.777.708
Các khoản phải thu dài hạn	210		545.046.684	545.046.684
Phải thu dài hạn khác	216	6	545.046.684	545.046.684
Tài sản cố định	220		106.807.057.173	100.823.858.755
Tài sản cố định hữu hình	221	10	67.591.479.657	59.814.140.643
- Nguyên giá	222		131.648.621.077	112.069.705.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.057.141.420)	(52.255.564.504)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	3.814.404.712	4.490.750.032
- Nguyên giá	225		5.254.881.818	5.254.881.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.440.477.106)	(764.131.786)
Tài sản cố định vô hình	227	12	35.401.172.804	36.518.968.080
- Nguyên giá	228		46.109.659.444	46.109.659.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.708.486.640)	(9.590.691.364)
Tài sản dở dang dài hạn	240		49.622.252.197	31.250.063.968
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	49.622.252.197	31.250.063.968
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	80.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.835.897.068	8.060.808.301
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	11.835.897.068	8.060.808.301
TỔNG TÀI SẢN	270		829.689.137.494	796.107.238.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2021

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		467.953.102.490	448.470.619.883
Nợ ngắn hạn	310		466.159.162.746	445.607.695.043
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	94.355.323.736	109.320.236.901
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.557.941.843	5.370.853.061
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	697.437.152	1.912.267.991
Phải trả người lao động	314		9.778.119.646	10.353.454.629
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	18.775.455.274	10.633.384.388
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	365.780.663	238.103.225
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	333.347.197.588	305.749.369.016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.030.025.832
Nợ dài hạn	330		1.793.939.744	2.862.924.840
Phải trả dài hạn khác	337	17	300.919.000	291.919.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.493.020.744	2.571.005.840
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	361.736.035.004	347.636.618.917
Vốn chủ sở hữu	410		361.736.035.004	347.636.618.917
Vốn góp của chủ sở hữu	411		334.466.750.000	318.539.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		334.466.750.000	318.539.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	12.175.510.997
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.832.487.933	17.171.347.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(794.809.166)	(10.455.338.106)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.627.297.099	27.626.686.026
TỔNG NGUỒN VỐN	440		829.689.137.494	796.107.238.800



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	844.863.328.204	801.402.258.531
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	52.484.786.945	32.616.672.909
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		792.378.541.259	768.785.585.622
Giá vốn hàng bán	11	22	701.832.355.421	665.195.909.477
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.546.185.838	103.589.676.145
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	16.490.949.517	21.035.778.714
Chi phí tài chính	22	24	19.214.521.203	18.252.694.494
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.660.171.366	17.705.280.227
Chi phí bán hàng	25	25	52.543.630.081	54.086.028.838
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	21.026.244.618	21.358.853.379
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.252.739.453	30.927.878.148
Thu nhập khác	31	26	1.737.877.991	1.006.480.053
Chi phí khác	32	27	29.535.705	1.681.548.766
Lợi nhuận khác	40		1.708.342.286	(675.068.713)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.961.081.739	30.252.809.435
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.333.784.640	2.626.123.409
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.627.297.099	27.626.686.026



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.961.081.739	30.252.809.435
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.595.717.512	8.833.558.855
Các khoản dự phòng	03	(7.213.028)	12.682.012
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(10.187.409.397)	(16.622.296.591)
Chi phí lãi vay	06	18.660.171.366	17.705.280.227
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.022.348.192	40.182.033.938
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	8.976.903.265	(37.488.613.849)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(69.113.208.587)	(11.725.074.776)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.042.369.379)	74.619.422.029
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.971.103.608)	426.551.374
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.760.152.534)	(17.661.360.185)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.997.390.413)	(2.999.575.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(50.884.973.064)	45.353.382.649
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.351.735.877)	(22.387.327.748)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	433.636.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.354.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.102.246.463	14.058.284.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.603.489.414)	(7.895.406.754)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	758.893.615.156	566.675.523.675
Tiền trả nợ gốc vay	34	(731.533.474.584)	(537.986.011.107)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(840.297.096)	(627.373.135)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(273.490.909)	(9.340.199.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.246.352.567	18.721.939.716
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(79.242.109.911)	56.179.915.611
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	108.372.200.942	52.192.285.331
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	29.130.091.031	108.372.200.942



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
-Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 31/12/2021 Công ty có 292 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2020 là 300 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm 2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- d. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- e. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.8 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2021 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.801.148.597	4.951.663.951
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.328.942.434	103.420.536.991
	29.130.091.031	108.372.200.942

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	253.436.715.142	(1.740.913.450)	269.280.480.154	(1.748.126.478)
- Công ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	36.377.255.067	-	42.487.859.502	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	29.816.631.631	-	33.836.571.041	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	29.728.969.640	-	10.702.655.930	-
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	29.547.507.546	-	45.161.214.506	-
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	25.643.765.440	-	41.908.664.490	-
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	20.488.066.331	-	10.595.088.410	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	17.343.865.090	-	15.057.493.943	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	9.557.660.732	-	7.981.283.647	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	-	2.712.402.125	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	-	617.175.249	-
- Các đối tượng khác	49.892.309.542	(29.806.701)	56.508.964.561	(37.019.728)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	30.231.103.196	-	26.368.354.964	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	17.343.865.090	-	15.057.493.943	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	9.557.660.732	-	7.981.283.647	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	-	2.712.402.125	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	-	617.175.249	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.233.630.155	-	5.987.166.890	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.600.628.808	-	1.036.663.894	-
- Ký cược, ký quỹ	145.139.316	-	117.139.316	-
- Kinh phí công đoàn	146.873.894	-	59.127.031	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	454.082.229	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	340.988.137	-	320.154.420	-
- Lợi nhuận được chia: Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	-	4.000.000.000	-
Dài hạn	545.046.684	-	545.046.684	-
- Ký cược, ký quỹ	545.046.684	-	545.046.684	-
	2.778.676.839	-	6.532.213.574	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	577.010.471	-	596.911.721	-
Nguyên liệu, vật liệu	86.844.619.753	-	83.168.306.048	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.399.420.718	-	5.570.059.469	-
Thành phẩm	29.295.969.921	-	24.309.173.228	-
Hàng hóa	143.360.683.621	-	83.720.045.431	-
	266.477.704.484	-	197.364.495.897	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.009.448.752	1.813.433.911
- Chi phí trả trước về thuê kho	808.783.341	501.000.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	309.132.013	209.293.878
- Chi phí bảo hiểm	632.775.646	773.566.850
- Chi phí sửa chữa	70.116.670	183.551.108
- Các khoản khác	188.641.082	146.022.075
Dài hạn	11.835.897.068	8.060.808.301
- Chi phí Công cụ dụng cụ	3.691.674.192	1.782.461.152
- Chi phí sửa chữa	2.382.964.357	243.403.942
- Chi phí mua bảo hiểm	738.288	9.001.704
- Chi phí quảng cáo	2.385.973.330	340.853.326
- Thuê đất - Cần Thơ	2.762.837.792	4.269.840.224
- Các khoản khác	611.709.109	1.415.247.953
	13.845.345.820	9.874.242.212

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	31.072.093.700
Xây dựng nhà máy Cần Thơ	18.550.158.497	177.970.268
	49.622.252.197	31.250.063.968

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2021	38.505.751.449	22.242.042.201	44.940.062.497	6.381.849.000	112.069.705.147
- Mua trong năm	11.992.045.455	6.206.589.567	1.224.000.000	156.280.908	19.578.915.930
- Phân loại lại tài sản	-	1.125.766.448	(1.125.766.448)	-	-
31/12/2021	50.497.796.904	29.574.398.216	45.038.296.049	6.538.129.908	131.648.621.077
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2021	(11.417.658.244)	(18.228.211.847)	(22.161.411.435)	(448.282.978)	(52.255.564.504)
- Khấu hao trong năm	(4.941.123.969)	(1.658.527.729)	(3.963.520.814)	(1.238.404.404)	(11.801.576.916)
- Phân loại lại tài sản	-	94.103.920	(94.103.920)	-	-
31/12/2021	(16.358.782.213)	(19.792.635.656)	(26.219.036.169)	(1.686.687.382)	(64.057.141.420)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2021	27.088.093.205	4.013.830.354	22.778.651.062	5.933.566.022	59.814.140.643
31/12/2021	34.139.014.691	9.781.762.560	18.819.259.880	4.851.442.526	67.591.479.657

Tại ngày 31/12/2021, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 90.560.224.988 đồng và 53.817.033.888 đồng đã được đề cập để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 22.097.439.684 đồng (tại ngày 31/12/2020 là: 21.392.424.320 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	5.254.881.818	5.254.881.818
31/12/2021	5.254.881.818	5.254.881.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	(764.131.786)	(764.131.786)
- Khấu hao trong năm	(676.345.320)	(676.345.320)
31/12/2021	(1.440.477.106)	(1.440.477.106)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	4.490.750.032	4.490.750.032
31/12/2021	3.814.404.712	3.814.404.712

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2021	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
31/12/2021	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2021	(9.011.632.457)	(579.058.907)	(9.590.691.364)
- Khấu hao trong năm	(1.004.770.824)	(113.024.452)	(1.117.795.276)
- Phân loại lại	26.781.346	(26.781.346)	-
31/12/2021	(9.989.621.935)	(718.864.703)	(10.708.486.640)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2021	36.144.967.987	374.000.093	36.518.968.080
31/12/2021	35.166.978.509	234.194.297	35.401.172.804

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.354.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	6.350.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	8.004.000.000	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	10.000.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (3)	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-

(1) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng.

(2) Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

(3) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 vào ngày 21 tháng 03 năm 2018 số tiền 70.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: Sản xuất thùng, bệ chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	94.355.323.736	94.355.323.736	109.320.236.901	109.320.236.901
- Công ty TNHH Posco VST	4.306.093.593	4.306.093.593	6.721.278.808	6.721.278.808
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	709.006.320	709.006.320	2.176.307.780	2.176.307.780
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	69.760.853.681	69.760.853.681	86.819.938.211	86.819.938.211
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	12.254.693.421	12.254.693.421	7.911.736.059	7.911.736.059
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	428.726.228	428.726.228	260.127.137	260.127.137
- Các đối tượng khác	6.895.950.493	6.895.950.493	5.430.848.906	5.430.848.906
Dài hạn	-	-	-	-
	94.355.323.736	94.355.323.736	109.320.236.901	109.320.236.901
Phải trả người bán là các bên liên quan	84.879.117.608	84.879.117.608	97.675.374.274	97.675.374.274
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	169.950.351	169.950.351	116.956.790	116.956.790
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)	1.555.887.607	1.555.887.607	390.308.297	390.308.297
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	69.760.853.681	69.760.853.681	86.819.938.211	86.819.938.211
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	709.006.320	709.006.320	2.176.307.780	2.176.307.780
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	12.254.693.421	12.254.693.421	7.911.736.059	7.911.736.059
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	428.726.228	428.726.228	260.127.137	260.127.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	542.589.743	5.428.201.447	5.590.383.253	380.407.937
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	980.634.988	1.333.784.640	1.997.390.413	317.029.215
- Thuế thu nhập cá nhân	389.043.260	169.187.909	558.231.169	-
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	1.912.267.991	6.936.173.996	8.151.004.835	697.437.152
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân		57.029.027	60.640.851	3.611.824
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	443.094.845	7.956.527.362	7.513.432.517	-
- Các loại thuế khác	-	-	5.600.000	5.600.000
	443.094.845	8.013.556.389	7.579.673.368	9.211.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	18.775.455.274	10.633.384.388
- Chi phí trích trước thưởng, hàng khuyến mại	14.153.734.682	7.384.785.109
- Chi phí quảng cáo	252.414.927	204.512.000
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	4.127.649.111	2.705.420.203
- Chi phí lãi vay	241.656.554	338.667.076
Dài hạn	-	-
	18.775.455.274	10.633.384.388

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	365.780.663	238.103.225
- Tài sản thừa chờ giải quyết	25.312.603	24.107.205
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	340.468.060	202.496.020
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	11.500.000
Dài hạn	300.919.000	291.919.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.919.000	291.919.000
	666.699.663	530.022.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	333.347.197.588	333.347.197.588	757.738.915.432	305.749.369.016
Vay ngắn hạn	332.298.012.492	332.298.012.492	755.010.930.336	303.900.879.920
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	140.139.710.938	140.139.710.938	312.352.521.757	144.739.830.334
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	94.675.525.683	94.675.525.683	221.170.834.942	74.532.263.023
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	97.482.775.871	97.482.775.871	221.487.573.637	84.628.786.563
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	208.888.000	208.888.000	1.887.688.000	1.008.192.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	-	-	28.800.000	172.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (5)	208.888.000	208.888.000	208.888.000	835.392.000
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV)	-	-	1.650.000.000	-
Nợ thuê tài chính (4)	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.493.020.744	1.493.020.744	4.432.984.820	2.571.005.840
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	4.432.984.820	237.688.000
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV)	-	-	4.432.984.820	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (5)	-	-	-	208.888.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	-	-	-	28.800.000
Nợ thuê tài chính (4)	1.493.020.744	1.493.020.744	-	2.333.317.840
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.493.020.744	1.493.020.744	-	2.333.317.840
	334.840.218.332	334.840.218.332	762.171.900.252	308.320.374.856

(1)

Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 16/2021-HĐCVHM/NHCT944-SONHA ngày 11/10/2021 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 200.000.000.000 đồng;
 - Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 11/10/2021 đến ngày 10/09/2022;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 26/10/2015, hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 02/11/2015, hợp đồng thế chấp số 236/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 237/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC ngày 14/03/2017, hợp đồng thế chấp số 124/HĐTC ngày 14/06/2017, hợp đồng thế chấp số 130/HĐTC ngày 20/07/2017 và hợp đồng cầm cố số 49/2021/HĐBĐ/NHCT944-SHA ngày 18/11/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/7015218/HĐTD ngày 05/10/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 05/CV-0001/KHDN/17NH ngày 13/07/2021 kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 0001/KHDN/17NH ký ngày 19/01/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Ngày đáo hạn: 19/01/2022;
- Lãi suất: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- (4) Thuế tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- Thuế tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 96.20.03/CTTC ngày 29/07/2020, giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM để thuê xe Ford Everest Titanium và xe Ranger XLS AT 2.2L nhằm mục đích phục vụ hoạt động chung của Công ty. Lãi suất được áp dụng từ thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2017 – HĐTD/NHCT944-SONHASG ngày 14/03/2017 và phụ lục số 1 giữa Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 12 xe tải mui hiệu VEAM-VT260;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2020	303.371.200.000	(250.000.000)	10.324.226.729	16.250.189.539	329.695.616.268	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	27.626.686.026	-	-	-	27.626.686.026
- Phân phối lợi nhuận trong năm	15.168.560.000	-	1.851.284.268	-	(26.705.527.645)	-	-	-	(9.685.683.377)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.851.284.268	-	(1.851.284.268)	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(308.547.377)	-	-	-	(308.547.377)
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(9.101.136.000)	-	-	-	(9.101.136.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019	-	-	-	-	(276.000.000)	-	-	-	(276.000.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	15.168.560.000	-	-	-	(15.168.560.000)	-	-	-	-
31/12/2020	318.539.760.000	(250.000.000)	12.175.510.997	17.171.347.920	347.636.618.917	-	-	-	-
01/01/2021	318.539.760.000	(250.000.000)	12.175.510.997	17.171.347.920	347.636.618.917	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	14.627.297.099	-	-	-	14.627.297.099
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	15.926.990.000	-	1.511.286.074	-	(17.966.157.086)	-	-	-	(527.881.012)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.511.286.074	-	(1.511.286.074)	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(251.881.012)	-	-	-	(251.881.012)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	-	-	(276.000.000)	-	-	-	(276.000.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	15.926.990.000	-	-	-	(15.926.990.000)	-	-	-	-
31/12/2021	334.466.750.000	(250.000.000)	13.686.797.071	13.832.487.933	361.736.035.004	-	-	-	-

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 23/2021/SHA ngày 28/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	50.108.880.000	47.722.750.000
Ông Lê Hoàng Hà	28.795.530.000	27.424.320.000
Các Cổ đông khác	255.562.340.000	243.392.690.000
	334.466.750.000	318.539.760.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	318.539.760.000	303.371.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	15.926.990.000	15.168.560.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	334.466.750.000	318.539.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	17.966.157.086	26.705.527.645

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 23/2021/SHA ngày 28/04/2021. Theo Nghị quyết, tỷ lệ trả cổ tức tương đương 5%/ mệnh giá, đối với cổ đông phổ thông, tỷ lệ chia cổ phiếu là 100:05.

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.446.675	31.853.976
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.446.675	31.853.976
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	31.853.976
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.446.675	31.853.976
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	31.853.976
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	12.175.510.997

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu	844.863.328.204	801.402.258.531
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	844.863.328.204	801.402.258.531
Doanh thu với các bên liên quan	17.924.579.202	24.731.516.539
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	40.560.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	1.438.797.350	4.576.799.689
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	-	32.822.206
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	-	25.449.251

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	51.688.794.197	32.401.206.822
Hàng bán bị trả lại	795.992.748	215.466.087
	52.484.786.945	32.616.672.909

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	701.832.355.421	665.195.909.477
	701.832.355.421	665.195.909.477

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	187.409.397	69.628.411
Nhận cổ tức từ công ty con	10.000.000.000	18.000.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.303.540.120	2.966.150.303
	16.490.949.517	21.035.778.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	18.660.171.366	17.705.280.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	554.349.837	547.414.267
	19.214.521.203	18.252.694.494

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	21.026.244.618	21.358.853.379
Chi phí nhân viên	6.096.294.600	7.192.696.550
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.185.154	346.017.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.576.293.180	2.608.808.566
Chi phí dự phòng	-	12.682.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.030.686.345	7.450.533.963
Chi phí khác	9.040.785.339	3.748.114.703
Các khoản chi phí bán hàng	52.543.630.081	54.086.028.838
Chi phí nhân viên	33.323.659.771	36.192.188.588
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.107.094.897	1.525.879.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.952.940.263	3.657.943.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.316.280.686	3.671.897.184
Chi phí khác	7.843.654.464	9.038.119.761

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu tiền cho thuê tài sản	-	191.207.910
Các khoản thu nhập khác	1.737.877.991	815.272.143
	1.737.877.991	1.006.480.053

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	1.447.331.820
Các khoản chi phí khác	29.535.705	234.216.946
	29.535.705	1.681.548.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.961.081.739	30.252.809.435
Các khoản chi phí không được khấu trừ	707.841.583	877.807.609
- Khấu hao TSCĐ	440.650.000	466.620.883
- Các khoản chi phí (phạt)	-	232.951.991
- Phần vượt mức trích nộp các quỹ an sinh xã hội	157.330.333	165.999.000
- Chi phí không hợp lý khác (không đầy đủ hóa đơn chứng từ)	109.861.250	12.235.735
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	10.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức từ Công ty con chuyển về	10.000.000.000	18.000.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.668.923.322	13.130.617.044
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.333.784.640	2.626.123.409
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.333.784.640	2.626.123.409

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	393.854.601.309	182.672.545.841
Chi phí nhân công	45.154.336.931	49.107.218.475
Khấu hao tài sản cố định	13.595.717.512	8.833.558.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.107.335.542	12.299.651.009
Chi phí khác	17.851.067.558	12.992.117.848
	476.563.058.852	265.905.092.028

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
+ USD	29.066,88	29.066,88

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm	758.893.615.156	566.675.523.675
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	758.893.615.156	566.675.523.675
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	731.533.474.584	537.986.011.107
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	731.533.474.584	537.986.011.107

30.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2021 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	589.395.000	836.236.000
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	200.674.000	441.265.000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	388.721.000	394.971.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
1. Chủ tịch: Lê Hoàng Hà	60.000.000	60.000.000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	36.000.000	36.000.000
3. Thành Viên: Nguyễn Văn Thuận	11.540.000	36.000.000
4. Thành Viên: Lê Văn Thành	36.000.000	36.000.000
5. Thành Viên: Lê Thị Thu Thủy	11.540.000	36.000.000
6. Thành Viên: Trịnh Thị Phương Linh	24.460.000	-
7. Thành Viên: Phạm Thị Uyên	24.460.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	152.952.722	156.316.209
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	4.716.214
Đi thuê tài sản	121.134.540	111.039.995
Mua tài sản	31.818.182	-
Bán hàng hóa	-	40.560.000
Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	6.864.962.362	8.935.829.352
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	6.864.962.362	8.902.045.331
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	32.822.206
Chi phí bảo hành	-	961.815
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	278.637.214.335	153.385.095.888
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	272.333.029.095	153.278.618.150
Chi phí dịch vụ	645.120	181.818
Chiết khấu thanh toán	6.303.540.120	-
Cho thuê tài sản	-	106.295.920
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	7.080.776.786	5.514.129.861
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	25.449.251
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	7.080.776.786	5.488.680.610
Chi phí dịch vụ	-	250.000
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	364.175.507.262	309.212.747.112
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	347.689.725.410	271.156.861.719
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	16.485.781.852	20.055.885.393
Lợi nhuận SHQ chuyển về	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	11.594.989.420	116.157.901.369
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	10.156.192.070	111.344.151.680
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	1.438.797.350	4.576.799.689
Cho thuê tài sản	-	236.950.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	30.231.103.196	26.368.354.964
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	17.343.865.090	15.057.493.943
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	9.557.660.732	7.981.283.647
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	2.712.402.125
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	617.175.249
Phải thu ngắn hạn khác	-	4.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	-	4.000.000.000
Phải trả nhà cung cấp	84.879.117.608	97.675.374.274
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	169.950.351	116.956.790
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	1.555.887.607	390.308.297
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	69.760.853.681	86.819.938.211
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	709.006.320	2.176.307.780
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP	12.254.693.421	7.911.736.059
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	428.726.228	260.127.137

30.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2021	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	282.970.471.076	509.408.070.183	792.378.541.259
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	282.970.471.076	509.408.070.183	792.378.541.259
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.013.186.397	20.532.999.441	90.546.185.838
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(73.569.874.699)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.976.311.139
Doanh thu hoạt động tài chính			16.490.949.517
Chi phí tài chính			(19.214.521.203)
Thu nhập khác			1.737.877.991
Chi phí khác			(29.535.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.333.784.640)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			14.627.297.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2020	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	346.047.684.261	422.737.901.361	768.785.585.622
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	346.047.684.261	422.737.901.361	768.785.585.622
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	93.411.657.112	10.178.019.033	103.589.676.145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(75.444.882.217)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			28.144.793.928
Doanh thu hoạt động tài chính			21.035.778.714
Chi phí tài chính			(18.252.694.494)
Thu nhập khác			1.006.480.053
Chi phí khác			(1.681.548.766)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.626.123.409)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.626.686.026

30.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập